Lời Tuyên xưng Đức tin ngắn gọn

Năm 1983, Giáo hội Trưởng lão (Hoa Kỳ) được thành lập thông qua sự tái hợp của Giáo hội Trưởng lão Thống nhất tại Hoa Kỳ (United Presbyterian Church in the United States of America) và Giáo hội Trưởng lão tại Hoa Kỳ (Presbyterian Church in the United States). Một phần không thể thiếu của sự tái hợp là việc chuẩn bị một Lời Tuyên xưng Đức tin ngắn gọn. Các thành viên của ủy ban soạn thảo đã tìm cách thể hiện bản sắc chung của những người theo Giáo hội Trưởng lão trong khi vẫn công nhận thực tế rằng có nhiều sự đa dạng và bất đồng trong cả giáo hội lẫn thế giới.

Ngay từ khi bắt đầu thảo luận, ủy ban đã quyết định soạn thảo một lời tuyên xưng đức tin có thể sử dụng trong việc thờ phượng. Ủy ban đã dựa nhiều vào các tài liệu trong Sách Tuyên xưng (Book of Confessions) và Kinh thánh để xây dựng thành phần nội dung rồi sắp xếp chúng trong khuôn khổ của Chúa Ba Ngôi.

Lời Tuyên xưng Đức tin ngắn gọn có nhiều điểm khác biệt. Không giống như Kinh tin kính các Thánh Tông đồ (Apostles' Creed) và Kinh tin kính Công đồng Nixêa (Nicene Creeds), vốn đi thẳng vào cả giai đoạn từ khi Chúa Jesus ra đời cho đến khi Ngài qua đời, lời tuyên xưng này nhấn mạnh tầm quan trọng của sứ vụ của Chúa Jesus ở các miền Giuđêa và Galilê. Lời Tuyên xưng Đức tin ngắn gọn nhấn mạnh đến sự bao hàm về giới tính. Lời tuyên xưng này nhấn mạnh vai trò của cả nam giới lẫn nữ giới trong giao ước của Chúa, sử dụng hình ảnh nữ tính cũng như nam tính của Chúa, đồng thời, khẳng định việc truyền chức cho cả người nam lẫn người nữ. Lời tuyên xưng này cũng bày tỏ mối quan tâm đến tính toàn vẹn của tạo vật của Chúa.

Khẳng định ở phần đầu rằng "Dù sống dù chết, ta vẫn thuộc về Chúa" (10.1, dòng 1) và, ở phần cuối, rằng "không có gì trong sự sống hay cái chết có thể chia rẽ chúng ta khỏi tình yêu của Chúa trong Chúa Jesus Christ, Chúa chúng ta," (10.05, dòng 78, 79), Lời Tuyên xưng Đức tin ngắn gọn kết thúc theo tinh thần phụng vụ bằng lời ca tụng và tạ ơn quen thuộc của Giáo hội.

, LỜI MỞ ĐẦU LỜI TUYÊN XƯNG ĐỨC TIN NGẮN GỌN
, GIÁO HỘI TRƯỞNG LÃO (HOA KỲ)

[Lời mở đầu và phần phụ lục không có thẩm quyền giải tội.]

Năm 1983, hai giáo hội Trưởng lão lớn nhất tại Hoa Kỳ đã tái hợp. Kế hoạch Tái hợp kêu gọi soạn thảo một Lời Tuyên xưng Đức tin ngắn gọn Cải cách để có thể đưa vào Sách Tuyên xưng (Book of Confessions). Do đó, mục đích của lời tuyên xưng này không phải là được sử dụng độc lập, tách biệt với các lời tuyên xưng khác của giáo hội chúng ta. Lời tuyên xưng này không có nhằm mục đích trở thành bản danh sách đầy đủ tất cả các đức tin của chúng ta, cũng không diễn giải chi tiết bất kỳ đức tin nào trong số này. Lời tuyên xưng này được thiết kế để toàn thể giáo đoàn tuyên xưng trong bối cảnh thờ phượng tập thể, và các mục sư và giáo lý viên cũng có thể sử dụng làm tài liệu hỗ trợ cho công tác giảng dạy Giáo lý. Nội dung của lời tuyên xưng này tôn vinh việc chúng ta tái khám phá rằng: tuy phải đối mặt với tất cả những sự đa dạng không thể nghi ngờ của mình, chúng ta vẫn hiệp nhất với nhau bởi một đức tin chung và một sứ mệnh chung.

Đức tin chúng ta tuyên xưng có tác dụng hiệp nhất chúng ta với một giáo hội duy nhất: giáo hội phổ quát. Các đức tin quan trọng nhất của những người theo giáo hội Trưởng lão là những đức tin chung của chúng ta với những người theo đạo Thiên Chúa khác, và đặc biệt là với những người theo đạo Tin Lành khác, những người coi cuộc Cuộc Cải Tổ Thệ Phản là sự đổi mới phúc âm của Chúa Jesus Christ. Sự đa dạng vẫn còn đó. Tuy nhiên, chúng ta tạ ơn vì trong thời đại của chúng ta, nhiều Giáo hội đang học cách chấp nhận, và thậm chí khẳng định, sự đa dạng mà không chia rẽ, vì toàn bộ lời răn dạy của Chúa còn cao trọng hơn cả sự khôn ngoan của bất kỳ cá nhân hay bất kỳ truyền thống đơn lẻ nào. Chúa Thánh Linh Chân Lý mang đến ánh sáng mới cho các giáo hội khi họ sẵn sàng cùng nhau trở thành học trò của Lời Chúa. Do đó, mục đích của lời tuyên xưng là tuyên xưng đức tin Công Giáo.

Chúng tôi tin rằng các hội thánh Cải cách đã được giao phó một tầm nhìn riêng về đức tin Công Giáo vì lợi ích của toàn thể giáo hội. Theo đó, “Lời Tuyên xưng Đức tin ngắn gọn” bao gồm các chủ đề chính của truyền thống Cải cách (ví dụ như các chủ đề được đề cập trong Sách Trật tự (Book of Order), Hình thức Quản lý (Form of Government), Chương 2), mà không tuyên bố chúng là tài sản riêng của chúng ta, giống như chính chúng ta hy vọng sẽ được học hỏi và chia sẻ sự khôn ngoan và hiểu biết được trao cho các giáo hội tông truyền khác ngoài giáo hội tông truyền của chúng ta. [Phần phụ lục cung cấp các thông tin tham chiếu chéo sẽ giúp người đọc đặt các lời khẳng định của “Lời Tuyên xưng Đức tin ngắn gọn” vào bối cảnh của truyền thống Cải cách.] Và, là một lời tuyên xưng muốn theo đường lối của cả Công Giáo lẫn Cải cách, lời tuyên xưng (tiếp nối lời cầu xin ban phước lành của vị Tông đồ trong thư gửi tín hữu Côrintô (2 Côrintô 13:14)) là một lời tuyên xưng theo khuôn khổ Chúa Ba Ngôi, trong đó, ân điển của Chúa Jesus Christ được đặt lên hàng đầu làm nền tảng cho sự hiểu biết của chúng ta về tình yêu tối cao của Chúa và cuộc sống chung của chúng ta trong Chúa Thánh Thần.

Không có lời tuyên xưng đức tin nào chỉ đơn thuần nhìn vào quá khứ; mọi lời tuyên xưng đều tìm

cách chiếu ánh sáng của một di sản vô giá vào những nhu cầu của thời điểm hiện tại, rồi từ đó định hình nên tương lai. Cụ thể, những lời tuyên xưng theo đường lối Cải cách, khi cần thiết, thậm chí còn cải cách chính truyền thống dưới ánh sáng của Lời Chúa. Ngay từ đầu, các giáo hội Cải cách đã nhấn mạnh rằng: sự đổi mới của giáo hội phải trở nên hữu hình trong sự biến đổi của cuộc sống con người và xã hội. Theo đó, "Lời Tuyên xưng Đức tin ngắn gọn" nêu lên những mối quan tâm cấp thiết nhất cần được giáo hội thánh chú ý trong thời đại của chúng ta. Giáo hội không phải là nơi ẩn náu khỏi thế gian; mà là một dân tộc ưu tú được chọn để ban phước cho các quốc gia. Do đó, lời tuyên xưng hợp lý sẽ chứng tỏ chính bản thân mình khi nuôi dưỡng sự cam kết với sứ mệnh của giáo thánh và khi chính giáo hội tuyên xưng trở thành thân thể mà qua đó Đấng Christ tiếp tục ban phước cho sứ vụ trần thế của Ngài.

LỜI TUYÊN XƯNG ĐỨC TIN NGẮN GỌN

10.1
Dòng 1 -- Dù sống dù chết, ta vẫn thuộc về Chúa.
Dòng 2 -- Nhờ ân điển của Chúa Jesus Christ, Chúa chúng ta,
Dòng 3 -- tình yêu của Chúa,
Dòng 4 -- và sự hiệp thông của Chúa Thánh Thần,
Dòng 5 -- chúng ta trông cậy vào Thiên Chúa Ba Ngôi duy nhất, Đấng Thánh của Israel
Dòng 6 -- đấng duy nhất mà chúng ta tôn thờ và phục vụ.

10.2
Dòng 7 -- Chúng ta trông cậy vào Chúa Jesus Christ,
Dòng 8 -- hoàn toàn là con người, hoàn toàn là Đức Chúa Trời.
Dòng 9 -- Chúa Jesus công bố triều đại của Thiên Chúa:
Dòng 10 -- rao giảng tin mừng cho người nghèo
Dòng 11 -- và giải thoát cho những người bị giam cầm,
Dòng 12 -- giảng dạy bằng cả lời nói lẫn hành động
Dòng 13 -- và ban phước cho trẻ em,
Dòng 14 -- chữa lành người bệnh
Dòng 15 -- và băng bó những tấm lòng tan vỡ,
Dòng 16 -- ăn uống với những người bị ruồng bỏ,
Dòng 17 -- tha thứ cho tội nhân,
Dòng 18 -- và kêu gọi mọi người ăn năn và tin vào phúc âm.
Dòng 19 -- Bị kết án bất công vì tội báng bổ và xúi giục nổi loạn,
Dòng 20 -- Chúa Jesus bị đóng đinh,
Dòng 21 -- chịu đựng nỗi đau tột cùng của con người
Dòng 22 -- và hy sinh mạng sống mình vì tội lỗi của thế gian.
Dòng 23 -- Đức Chúa Trời đã khiến Chúa Jesus này sống lại từ cõi chết,
Dòng 24 -- chứng minh cuộc sống vô tội của Ngài,
Dòng 25 -- phá vỡ quyền lực của tội lỗi và sự dữ,
Dòng 26 -- giải cứu chúng ta khỏi sự chết để đến với sự sống đời đời.

10.3
Dòng 27 -- Chúng ta tin vào Thiên Chúa,
Dòng 28 -- Người mà Chúa Jesus gọi là “Abba”, nghĩa là “Cha”.
Dòng 29 -- tình yêu tối cao Thiên Chúa tạo ra thế giới tốt đẹp
Dòng 30 -- và làm cho mọi người bình đẳng theo hình ảnh của Thiên Chúa,
Dòng 31 -- cả nam lẫn nữ, thuộc mọi chủng tộc và dân tộc,
Dòng 32 -- sống như một cộng đồng.
Dòng 33 -- Nhưng chúng ta nổi loạn chống lại Thiên Chúa; chúng ta trốn tránh Đấng Tạo Hóa của mình.
Dòng 34 -- Phớt lờ các điều răn của Đức Chúa Trời.
Dòng 35 -- Chúng ta làm xấu đi hình ảnh của Chúa trong người khác và trong chính chúng ta,
Dòng 36 -- chấp nhận lời nói dối làm sự thật,
Dòng 37 -- lợi dụng tha nhân và thiên nhiên,
Dòng 38 -- và đe dọa giết chết hành tinh được giao phó cho chúng ta chăm sóc.
Dòng 39 -- Chúng ta xứng đáng bị Đức Chúa Trời lên án.
Dòng 40 – Thế nhưng, Thiên Chúa hành động bằng công lý và lòng thương xót để cứu chuộc tạo vật.

Dòng 41 -- Trong tình yêu vĩnh cửu,
Dòng 42 -- Đức Chúa Trời của Abraham và Sarah đã chọn một dân giao ước
Dòng 43 -- để ban phước cho mọi gia đình trên đất.
Dòng 44 -- Nghe tiếng kêu của họ,
Dòng 45 -- Đức Chúa Trời đã giải cứu con cái Israel
Dòng 46 -- khỏi vòng nô lệ.
Dòng 47 -- Vẫn yêu thương chúng ta,
Dòng 48 -- Đức Chúa Trời làm cho chúng ta trở thành người thừa kế với Chúa Christ trong giao ước.
Dòng 49 -- Như một người mẹ không từ bỏ đứa con đang bú,
Dòng 50 -- như một người cha chạy đến chào đón đứa con hoang đàng trở về nhà,
Dòng 51 -- Đức Chúa Trời vẫn trung tín.

10.4
Dòng 52 -- Chúng ta tin cậy nơi Đức Chúa Trời là Đức Thánh Linh
Dòng 53 -- Đấng ban sự sống và đổi mới sự sống ở khắp mọi nơi.
Dòng 54 -- Đức Thánh Linh công chính hóa chúng ta bằng ân điển qua đức tin,
Dòng 55 -- giải thoát chúng ta để chấp nhận chính mình và yêu mến Chúa và tha nhân,
Dòng 56 -- và ràng buộc chúng ta với tất cả các tín hữu
Dòng 57 -- trong một thân thể của Chúa Kitô, Hội thánh.
Dòng 58 -- Cùng một Thánh Linh
Dòng 59 -- đã ban linh hứng cho các vị tiên tri và các tông đồ
Dòng 60 -- cai trị đức tin và cuộc sống của chúng ta trong Chúa Christ thông qua Kinh thánh,
Dòng 61 -- thu hút chúng ta qua Lời Chúa đã được loan báo,
Dòng 62 -- nhận lãnh chúng ta trong dòn nước của bí tích Rửa tội,
Dòng 63 -- nuôi dưỡng chúng ta bằng bánh hằng sống và chén thánh cứu rỗi,
Dòng 64 -- và kêu gọi cả phụ nữ lẫn đàn ông tham gia tất cả các sứ vụ của Hội thánh.
Dòng 65 -- Trong một thế giới tan vỡ và đầy sợ hãi
Dòng 66 -- Đấng Thánh Linh ban cho chúng ta lòng can đảm
Dòng 67 -- để cầu nguyện không ngừng,
Dòng 68 -- để làm chứng cho mọi người về Chúa Christ là Chúa chúng ta và là Đấng Cứu Thế,
Dòng 69 -- để vạch trần thói thờ ngẫu tượng trong Giáo hội và văn hóa,
Dòng 70 -- để lắng nghe tiếng nói của những người đã bị bịt miệng từ lâu,
Dòng 71 – và để cộng tác với những người khác vì công lý, tự do và hòa bình.
Dòng 72 -- Với lòng biết ơn Thiên Chúa, được Chúa Thánh Linh ban sức mạnh,
Dòng 73 -- chúng ta nỗ lực phục vụ Chúa Christ trong các công việc hàng ngày của mình
Dòng 74 -- và để sống cuộc sống thánh thiện và vui tươi,
Dòng 75 -- ngay cả khi chúng ta trông đợi trời mới và đất mới của Thiên Chúa,
Dòng 76 -- cầu nguyện, “Lạy Chúa Christ, xin hãy đến!”

10.5
Dòng 77 -- Với tín hữu ở mọi thời đại và mọi nơi,
Dòng 78 -- chúng ta hân hoan rằng không có gì trong cuộc sống hay cái chết
Dòng 79 -- có thể chia rẽ chúng ta khỏi tình yêu của Chúa trong Đức Chúa Jesus Christ, Chúa chúng ta.

10.6

Dòng 80 -- Sáng danh Đức Chúa Cha, và Đức Chúa Con, và Đức Chúa Thánh Thần. Amen. [Thay vì đọc dòng này, giáo đoàn có thể hát một phiên bản của bài Gloria.]

, PHỤ LỤC CHO LỜI TUYÊN XƯNG ĐỨC TIN NGẮN GỌN -- GIÁO HỘI TRƯỞNG LÃO (HOA KỲ)

, Tham chiếu chéo

Các tác giả của "Lời Tuyên xưng Đức tin ngắn gọn" (A Brief Statement of Faith) đã nỗ lực xây dựng lời này trên cơ sở rộng lớn của Kinh thánh nói chung và sự đồng thuận của thần học Cải cách, chứ không chỉ trên các tài liệu riêng lẻ hoặc cụ thể trong Kinh thánh hoặc giáo lý thần học.

Các nội dung tham chiếu chéo này có chức năng xác định các nguồn đã có tác động mang tính định hình đáng kể đến phần cụ thể của đức tin được tuyên xưng trong các dòng được chỉ ra. Các nội dung này cho thấy sự phù hợp của "Lời Tuyên xưng Đức tin ngắn gọn" với các giáo lý của Kinh thánh và những lời răn dạy của Kinh Thánh cũng như các tài liệu tuyên xưng từ trước. Các nội dung này chỉ ra một số ít đoạn văn và bối cảnh được chọn mà các giáo đoàn có thể nghiên cứu khi so sánh các cách đức tin được tuyên xưng lại trong các tình huống lịch sử khác nhau.

Các nội dung tham chiếu đoạn và chữ viết tắt của các sách trong Kinh thánh căn cứ theo Phiên bản Tiêu chuẩn đã sửa đổi. Các đoạn Kinh thánh được liệt kê theo thứ tự xuất hiện trong Kinh thánh tiếng Anh, ngoại trừ các đoạn văn song song từ các sách Phúc âm Nhất lãm (Matthew, Mark và Luke) đã được nhóm lại với nhau. Các phần của các đoạn được trích dẫn bằng chữ in nghiêng được trích dẫn hoặc diễn giải sâu sát trong "Lời Tuyên xưng Đức tin ngắn gọn".

Các tài liệu trong Sách Tuyên xưng (Book of Confessions) được viết tắt như sau: NC, Nicene Creed (Kinh Tin kính Công đồng Nixêa); AC, Apostles' Creed (Kinh Tin kính các Thánh Tông đồ); SC, Scots Confession (Lời Tuyên xưng của Scots); HC, Heidelberg Catechism (Sách Giáo lý Heidelberg); SHC, Second Helvetic Confession (Lời Tuyên xưng Thứ hai của Helvetic); WCF, Westminster Confession of Faith (Tuyên xưng Đức tin Westminster) [được đánh số theo phiên bản được sử dụng bởi Giáo hội Trưởng lão Thống nhất tại Hoa Kỳ (United Presbyterian Church (U.S.A.)) trước đây]; WSC, Westminster Shorter Catechism (Sách Giáo lý Ngắn gọn Westminster); WLC, Westminster Larger Catechism (Sách Giáo lý Westminster Chi tiết hơn); BD, Theological Declaration of Barmen (Tuyên xưng Thần học của Barmen); C67, Confession of 1967 (Lời Tuyên xưng năm 1967).

Các phần trích dẫn được liệt kê theo thứ tự xuất hiện trong Sách Tuyên xưng.

, Dòng 1 -- 6

1
Kinh Thánh: Deut 7#6 -- 11; Ps 100; 139#1 -- 12; Is. 43#1 -- 9; Jer 31; Rom 8#31 -- 39; 14#7 -- 9; 2 Cor. 5#1 -- 5.
Confessions: SC, 1; HC, q 1; WLC, q 1; BD, II, 1, 2.

2 -- 6
Kinh Thánh: Ex 20#3 -- 6; Deut 6#4 -- 9; 11#16; 2 Kings 19#14 -- 22; Ps 56#3 -- 4; 62#1 -- 8; 71#22 -- 24; 103; Is 10#20; 12#5 -- 6; 17#7 -- 8; 43#14 -- 15; 54#5; Jer 17#5 -- 8; 25#5 -- 6; Dan 3#28; Mt 28#16 -- 20; Jn 3#16; 14#8 -- 17; Acts 2#41 -- 42; 27#21 -- 26; 1 Cor 8#1 -- 6; 2 Cor 13#14; Eph 2#8 -- 10; 1 Pet 1#2 -- 9.
Confessions NC; SC, I, IV; HC, q 25; SHC, III, V; WCF, II, VII, 5; WSC, q 6; WLC, qq 6 -- 11; C67, “The Confession,” IA -- C.

, Dòng 7 -- 26

7 -- 8
Kinh Thánh: Ps 86#1 -- 2; Is 12#2; Mt 1#18 -- 25; 11#27; Mk 8#27 -- 30; 14#61 -- 62; Lk 2#1 -- 52; Jn 1#1 -- 18; 5#1 -- 18; 7#25 -- 31; 10#30 -- 39; Gal 4#1 -- 7; Phil 2#5 -- 11; Col 1#15 -- 20; 2#8 -- 10; Heb 1; 2#14 -- 18; 4#14 -- 15; 5#7 -- 10; 13#8; 1 Jn 1#1 -- 2.
Confessions NC, 2nd art.; SC, VI; HC, qq 31, 35, 47; SHC, XI; WCF, VIII, 2; WSC, q 21; WLC, qq 36 -- 42; C67, IA1.

9 -- 18
Kinh Thánh: Ps 34#6 -- 18; 146#5 -- 9; 147#1 -- 6; Is 42#1 -- 7; 61#1 -- 3; Ezek 34#15 -- 16; Zeph 3#19; Mt 4#23 -- 25; 9#10 -- 13; 13#1 -- 58; 15#21 -- 28; 18#21 -- 35; 23#1 -- 4; Mk 1#14 -- 15; 5#1 -- 20; 6#30 -- 44; 9#33 -- 37; 10#13 -- 16; Lk 4#16 -- 22 (18); 5#17 -- 32; 6#17 -- 36; 7#1 -- 27, 33 -- 50; 8#1 -- 3; 10#38 -- 42; 15#1 -- 32; Jn 4#1 -- 42; 8#1 -- 11; 10#1 -- 18; 11#1 -- 44; 16#33; Acts 10#34 -- 43.
Confessions: SC, XIV, XVI; HC, qq 1, 31, 74, 107; SHC, XIII -- XV; WCF, VIII, XII, XXV; WSC, qq 21 -- 30, I 36; WLC, qq 43 -- 50, 135; BD, I; C67, IA1, IIA4c, III.

19 -- 22
Kinh Thánh
Lines 19 -- 20: Mt 26#57 -- 68; Mk 14#53 -- 65; Lk 22#63 -- 71; Mt 27#32 -- 37; Mk 15#21 -- 26; Lk 23#32 -- 35; Jn 10#22 -- 39; 19#1 -- 22; 1 Cor 1#20 -- 25.
Dòng 21 -- 22: Ps 22; 88#1 -- 9; Is 52#13 -- 53#12; Mt 27#27 -- 31, 39 -- 50; Mk 15#16 -- 20, 29 -- 37; Lk 23#11, 39 -- 46; Mk 8#31 -- 35; 10#45; Lk 22#39 -- 46; Jn 1#29 -- 34; 3#16 -- 18; 10#7 -- 18; 19#28 -- 37; Rom 5; 2 Cor 5#17 -- 21; 1 Tim 2#5 -- 6; Heb 2; 5#7 -- 10; 9#11 -- 22; 1 Pet 2#21 -- 24; 3#18; 1 Jn 2#1 -- 2; 4#9 -- 10; Rev 5.
Confessions: SC, VIII, IX; HC, qq 29 -- 44; SHC, XI; WCF, VIII; WSC, qq 28 -- 31; WLC, qq 44, 49.

23 -- 26
Kinh Thánh:

Lines 23 -- 24: Ps 24#4 -- 5; 26#1; 37#5 -- 6; Is 50#4 -- 9; Matt 27#3 -- 4; 28#1 -- 17; Mk 16#1 -- 8; Lk 24#1 -- 47; Jn 20 -- 21; Acts 2#22 -- 36 (32); 17#16 -- 34; Rom 1#1 -- 7; 1 Cor 15#3 -- 57; 1 Tim 3#14 -- 16.

Dòng 25 -- 26: Ps 49#13 -- 15; Is 25#6 -- 8; Dan 12#2 -- 3; Jn 3#16 -- 18; 5#19 -- 24; 11#17 -- 27; Rom 4#24 -- 25; 5#1 -- 21; 6#1 -- 23; 8#1 -- 11; 1 Cor 15#20 -- 28; Eph 2#1 -- 7; Col 1#9 -- 14; 2#8 -- 15; 1 Thess 4#13 -- 18; 2 Tim 1#10; Heb 13#20 -- 21; Rev 21#3 -- 4.

Confessions: SC, X; HC, qq 45 -- 52; SHC, XI; WCF, VIII, 4 -- 8; WLC, qq 52 -- 56; BD, II, 2 -- 4; C67, IA1.

, Dòng 27 -- 51

27 -- 28

Kinh Thánh : 2 Kings 18#5 -- 6; Ps 28#6 -- 7; 71#5 -- 6; Prov 3#5 -- 8; Mt 6#25 -- 34; Mk 14#32 -- 36; Lk 11#2 -- 4; Rom 8#12 -- 17; Gal 4#1 -- 7.

Confessions: NC, 1st art.; AC, 1st art.; HC, qq 26 -- 28; WCF, XII; WLC, q 100.

29 -- 32

Kinh Thánh

Dòng 29: Gen 1#1 -- 25; Ps 33#1 -- 9; 104; Is 40#21 -- 28; Jn 1#1 -- 5; Col 1#15 -- 20; 1 Tim 4#4.

Lines 30 -- 32: Gen 1#26 -- 2#25; 5#1 -- 32 (esp. 1 -- 5, 32); 10#32 -- 11#1; Lev 19#9 -- 18; Ps 22#25 -- 31; 67; 133; Is 56#3 -- 8; 66#18 -- 21; Mic 4#1 -- 4; Lk 10#29 -- 37; Acts 17#22 -- 28# Eph 1#9 -- 10; Rev 7#9 -- 12; 22#1 -- 2.

Confessions: HC, q 6; SHC, VII; WCF, IV, 1 -- 2; WSC, qq 9, 10; WLC, qq 12 -- 17; C67, IIA4a.

33 -- 38

Kinh Thánh

Dòng 33: Gen 3#1 -- 24; 4#1 -- 6; Ex 3#6; 4#1 -- 17; Judg 11#29 -- 40; 1 Sam 10#20 -- 24; Ps 2#1 -- 3; 14#1 -- 4; Is 1#1 -- 6; Jer 5#20 -- 25; 23#24; Jon 1#1 -- 4; Mt 5#14 -- 16; Mk 4#21 -- 23; Lk 8#16 -- 18; Mt 19#16 -- 22; 25#14 -- 30 (esp. 18, 24 -- 25); Lk 8#43 -- 48; 10#38 -- 42 (Martha); Rom 1#16 -- 3#26; Heb 4#13; Rev 2 -- 3; 6#12 -- 17.

Dòng 34: Gen 1#28; 2#15 -- 16; Ex 20#1 -- 17; 21#1 -- 23#19; Lev 19#1 -- 37; Deut 6#4 -- 9; 10#19; Neh 7#73b -- 8#18; Ps 119#169 -- 176; Amos 5#24; Mic 6#8; Mt 5#17 -- 6#21; 7#12; 22#34 -- 40; Jn 13#34; 14#15; 15#12 -- 17; Rom 13#8 -- 10; 1 Cor 8; 1 Jn 2#3 -- 11.

Dòng 35: Gen 1#27; 4#8; 6#11 -- 12; 16; 21#9 -- 21; Judg 19; 2 Sam 11; 13#1 -- 20; 18#5 -- 15; Ps 14#1 -- 4; Is 1#12 -- 23; 59#1 -- 8; Ezek 7#10 -- 11; 45#9; Zeph 3#1 -- 4; Mt 23#13 -- 28; 25#31 -- 46; Lk 16#19 -- 31; Rom 1#28 -- 32; Eph 4#17 -- 22; Col 3#5 -- 11; 2 Tim 3#1 -- 9; Tit 1#15 -- 16.

Dòng 36: Gen 2#16 -- 17; 3#1 -- 4; Job 13#1 -- 12; Ps 4#2; Is 5#20 -- 21; 28#14 -- 15; 59#3b, 12 -- 15a; Jer 5#1 -- 3; 14#13 -- 14; Jn 8#42 -- 45.

Lines 37 -- 38: Gen 2#15; Ps 8; Is 5#7 -- 8; 24#4 -- 6; 33#7 -- 9; Jer 2#7 -- 8; 9#4 -- 6; Hos 4#1 -- 3; Amos 2#6 -- 8; Acts 16#16 -- 24.

Confessions: SC, II; HC, qq 3 -- 11, 106, 107; SHC, VIII, IX; WCF, VI; WSC, q 77; WLC, qq 22 -- 28, 105, 131, 132, 136, 145, 149; C67, IA2.

39

Kinh Thánh: Gen 6#5 -- 7; Deut 28#15 -- 68; 30#15 -- 20; 2 Sam 12#1 -- 12; Is 1#24 -- 25; 5#9 --

10, 24 -- 25; 28#16 -- 22; 59#9 -- 11, 15b -- 19; Jer 2#9; 9#7 -- 11; 14#15 -- 16; Amos 2#13 -- 16; Jn 3#16 -- 21; Rom 5#18 -- 21; 8#1 -- 4.
Confessions: SC, III, XV; HC, qq 10 -- 12; SHC, XII, XIII; WCF, VI, 6; WSC, qq 82 -- 85; WLC, q 27; C67, IA2.

40
Kinh Thánh: 2 Chron 7#11 -- 14; Ps 34#22; 51; 78#36 -- 39; 103#1 -- 14; 130; 145#8 -- 9; Is 2#2 -- 4; 6#5 -- 7; 11#1 -- 9; 30#18; 51#4 -- 6; Jer 31#20; Lam 3#22 -- 33; Ezek 36#8 -- 15; Hos 11#1 -- 9; 14#4 -- 8; Mt 1#18 -- 21; Lk 1#67 -- 79; 15#1 -- 7; Jn 3#16 -- 17; Rom 5#15 -- 17; 8#18 -- 25; Eph 2#4 -- 7; 1 Pet 1#13 -- 21.
Confessions: SC, I, IV; HC, qq 26 -- 28; SHC, VI, X; WCF, V; WSC, q 31; WLC, q 30.

41 -- 51
Kinh Thánh
Dòng 41 -- 43: Gen 12#1 -- 7; 15; 17#1 -- 21; 18#1 -- 15; 21#1 -- 7; 28#10 -- 17; Deut 7#6 -- 7; Neh 9#6 -- 8; Ps 65#1 -- 4; Is 41#8 -- 10; 44#1 -- 8; 51#1 -- 2; Jer 31#3, 31 -- 34; Mt 9#9 -- 13; 26#26 -- 28; Rom 4#13 -- 25; 11; 1 Cor 1#26 -- 29; Gal 3#6 -- 9; Eph 1#3 -- 10; 1 Thess 1; Heb 11#8 -- 12; Jas 2#5; 1 Pet 2#9 -- 10.
Dòng 44 -- 46: Ex 2#23 -- 3#10; 6#2 -- 8; 15#1 -- 21; 18#5 -- 12; 20#1 -- 2; 22#21 -- 24; Deut 7#8; Judg 6#7 -- 16; 10#10 -- 16; 2 Chron 32#9 -- 23; Ezra 9#6 -- 9; Neh 9#9 -- 15; Ps 18#1 -- 19; 34; 77; 105#23 -- 45; 107; 136; Is 40#3 -- 5, 9 -- 11; 43#14 -- 21; 51#9 -- 16; Dan 3; 6; Mic 6#4; Mt 6#13; 15#21 -- 28; Mk 5#1 -- 20; 2 Cor 1#8 -- 11; Rev 1#4 -- 11; 15#2 -- 4.
Dòng 47 -- 48: Ps 33#20 -- 22; 36#7 -- 9; Is 54#4 -- 10; 63#7 -- 9; Mic 7#18 -- 20; Mt 26#26 -- 29; Rom 8#15 -- 17, 38 -- 39; 1 Cor 11#23 -- 26; Gal 3#15 -- 29; 4#6 -- 7, 21 -- 31; Eph 1#3 -- 6; 2#11 -- 22; Heb 13#20 -- 21; 1 Pet 1#1 -- 9; 1 Jn 3#1 -- 2.
Dòng 49 -- 51: Gen 33#1 -- 11; Deut 7#9; 32#10 -- 12; Neh 9#16 -- 23; Ps 27#7 -- 10; 36#5 -- 12; 91; 117; Is 42#14 -- 16; 46#3 -- 4; 49#7; 49#14 -- 15; 66#13; Jer 31#15 -- 20; Lam 3#22 -- 23; Hos 11#3 -- 4; Lk 13#34 -- 35; 15#11 -- 32 (esp. 20); 1 Cor 1#9; 1 Thess 5#23 -- 24; 2 Thess 2#16 -- 17.
Confessions: SC, IV, V; HC, qq 12 -- 15, 18, 19, 34, 49, 51, 52, 54, 128; SHC, XIII, XVII -- XIX; WCF, VI, 4, VII, VIII, 8, XVII, XVIII, XXXV, “Declaratory Statement” of 1903; WSC, q 36; WLC, qq 31 -- 34, 74; BD, II, 2; C67, IB.

, Dòng 52 -- 76

52 -- 53
Kinh Thánh: Gen 1#1 -- 2; Ps 23; 139#1 -- 12; Ezek 37#1 -- 14; Lk 1#26 -- 35; Jn 3#1 -- 15; Acts 2#1 -- 21; 10; Rom 8#1 -- 11; 2 Cor 3.
Confessions: NC, 3rd art.; AC, 3rd art.; SC, XII; HC, q 53; WCF, XX, XXXIV; WLC, qq 58, 89, 182.

54 -- 57
Kinh Thánh
Dòng 54: Gen 15#1 -- 6; Hab 2#4; Rom 1#16 -- 17; 3#21 -- 28 (24 -- 25); 4#1 -- 5; 5#1 -- 2; Gal 3#1 -- 14; Eph 2#8 -- 9; Tit 3#3 -- 7.
Lines 55 -- 57: Lev 19#18; Deut 6#4 -- 5; Mk 12#28 -- 34; Lk 10#25 -- 37; Jn 3#1 -- 15; Rom 8#26

-- 27; 12; 13#8 -- 10; 1 Cor 12#1 -- 31 (esp. 13, 27); 13; 2 Cor 3#17 -- 4#2; Gal 5; 6#1 -- 10; Eph 2#11 -- 22; 4#1 -- 6; Phil 4#1 -- 7; Col 1#24; 3#12 -- 17; 1 Pet 4#8 -- 11; 1 Jn 4#19 -- 5#5.
Confessions: SC, XVI -- XX; HC, qq 1, 21, 54, 55, 86, 87; SHC, XV -- XVII; WCF, XI, XX, XXV, XXVI, XXXIV, XXXV; WSC, qq 29 -- 36; WLC, qq 63 -- 66, 70 -- 73; BD, II, 1 -- 3; C67, IC1.

58 -- 61
Kinh Thánh
Dòng 58 -- 59: Num 11#24 -- 30; Deut 18#15 -- 22; 2 Chron 20#13 -- 19; 24#20 -- 22; Ezek 3#22 -- 27; 8#1 -- 4; 11#5 -- 12; 13#3; Mic 3#5 -- 8; Mk 12#35 -- 37; Jn 20#19 -- 23; Acts 1#1 -- 9; 2#1 -- 4; 9#17 -- 19a; 1 Pet 1#10 -- 11; 2 Pet 1#20 -- 21.
Dòng 60 -- 61: 2 Kings 22#8 -- 13; 23#1 -- 3; Ps 119#1 -- 16; Zech 7#11 -- 12; Mt 5#17; Mk 13#9 -- 11; Lk 24#13 -- 27, 44; Jn 5#30 -- 47; 16#13; Acts 2#14 -- 36; 4#13 -- 20; 8#4 -- 8; 9#17 -- 22; 10#34 -- 44; 13#4 -- 5; 17#1 -- 4; Rom 15#17 -- 21; Eph 2#19 -- 3#6; 2 Tim 1#11 -- 14; 3#14 -- 17; Heb 1#1 -- 4; 3#7 -- 11; 1 Pet 1#12; 2 Pet 1#16 -- 19; 3#1 -- 2; Rev 3#22.
Confessions: SC, XIX, XX; HC, qq 19 -- 21; SHC, I, II; WCF, I, XXXIV, 2; WSC, qq 2, 3; WLC, qq 2 -- 6, 108; BD, I, II, 1; C67, IC2, IIB1.

62 -- 64
Kinh Thánh
Dòng 62: Mk 1#1 -- 12; 6#30 -- 52; Jn 1#19 -- 34; 3#5; 7#37 -- 39; Acts 2#38 -- 42; 8#26 -- 39; 9#10 -- 19; 10#44 -- 11#18; Rom 6#1 -- 4; 1 Cor 12#12 -- 13; Gal 3#27 -- 28; Eph 1#13 -- 14; Col 2#8 -- 15; Tit 3#3 -- 7; 1 Jn 5#6 -- 8.
Dòng 63: Ps 116#12 -- 14 (13); Mt 26#17 -- 29; Mk 14#22 -- 25; Lk 22#14 -- 20; 24#13 -- 35; Jn 6#22 -- 59 (35, 48); Acts 2#41 -- 42; 1 Cor 10#16 -- 17; 11#17 -- 34; Heb 9#11 -- 28.
Dòng 64: Gen 1#26 -- 27; Ex 15#1 -- 21; Judg 4#4 -- 10;2 Kings 22#8 -- 20; Joel 2#28 -- 32; Lk 1#46 -- 55; 2#25 -- 38; 8#1 -- 3; 10#38 -- 42; Jn 4#7 -- 42; 20; Acts 1#12 -- 2#47; 13#1 -- 4; 16#1 -- 15; 18#24 -- 28; Rom 16#1 -- 16; 1 Cor 12#4 -- 7; 2 Cor 4 -- 5; Gal 3#27 -- 29; Eph 4#7 -- 16; Phil 4#1 -- 3; 1 Pet 2#9 -- 10.
Confessions: SC, XVIII, XXI -- XXIII; HC, qq 65 -- 85; SHC, XVIII -- XXVIII; WCF, XXVI -- XXXI; WSC, qq 88 -- 98; WLC, qq 157, 158, 164 -- 177; BD, II, 1, 3 -- 6; C67, IIA1 -- 2, IIB.

65 -- 71
Kinh Thánh
Dòng 65 -- 66: Gen 15#1; Ps 23#1 -- 4; 27#1 -- 6; 46#1 -- 3; Is 41#8 -- 10; Hag 2#4 -- 5; Acts 4#13 -- 31; Phil 1#19 -- 20; 2 Cor 1#18 -- 22.
Line 67: Gen 18#16 -- 33; 2 Sam 7#18 -- 29; Dan 6; Mt 6#5 -- 15; Mk 14#32 -- 42; Lk 18#1 -- 8; Jn 17; Rom 12#12; Eph 6#18 -- 20; Col 1#3 -- 14; 4#2; 1 Thess 5#16 -- 18(17); Jas 5#13 -- 18; Jude 20 -- 21.
Dòng 68: Is 60#1 -- 3; Mt 28#19 -- 20; Lk 24#45 -- 47; Acts 1#8; 9#27 -- 29; 23#11; Rom 1#1 -- 6; 1 Thess 2#1 -- 8; 2 Tim 1#8 -- 14; 4#1 -- 2.
Dòng 69: Ex 20#2 -- 6; 1 Kings 18#21 -- 39; Ps115#1 -- 11; Is 31#1 -- 3; 44#6 -- 20; Jer 7#1 -- 20; Zech 4#6; Mt 6#24; Lk 18#18 -- 23; Acts 19#21 -- 41; 1 Cor 8#1 -- 6; Phil 3#18 -- 19; Col 3#5; 1 Jn 5#20 -- 21.
Dòng 70: Gen 41#1 -- 45; Ruth 1 -- 4; 1 Kings 12#1 -- 20; Jer 36; Zeph 3#1 -- 2; Mt 15#21 -- 28; Mk 5#15 -- 20; 9#38 -- 41; 16#9 -- 11; Lk 7#36 -- 50; 10#30 -- 35; Jn 4#27 -- 30, 39; 20#11 -- 18;

Acts 24; 1 Cor 14#33b -- 35; 1 Tim 2#11 -- 12.
Dòng 71: Lev 25#25 -- 55; Deut 15#1 -- 11; Ps 34#14; 72#1 -- 4, 12 -- 14; Is 58; Amos 5#11 -- 24; Mic 6#6 -- 8; Mt 5#9; 25#31 -- 46; Rom 14#17 -- 19; Gal 5#13 -- 26; Heb 12#14; 13#1 -- 3, 20 -- 21; Jas 1#22 -- 2#26.
Confessions: SC, XIII, XIV, XXIV; HC, qq 86 -- 129; SHC, IV, XVII, XXIII, XXX; WCF, IX, XII, XIX -- XXIII, XXV, XXXIV, 3, XXXV; WSC, qq 35, 36, 98 -- 107; WLC, qq 75, 76, 91 -- 148; BD, II; C67, IB, IIA1, 3, 4, IIB2.

72 -- 76
Kinh Thánh
Dòng 72 -- 74: Lev 19#1 -- 4; Neh 7#73b -- 8#12; Ps 68#32 -- 35; 96; 100; Mt 13#44; Lk 9#23; 24#44 -- 53; Jn 15#10 -- 11; Acts 1#8, 13#52; Rom 7#4 -- 6; 12#1 -- 3, 9 -- 21; 15#13; 1 Cor 3#16 -- 17; 13; 2 Cor 1#12; Eph 1#3 -- 2#21; 1 Thess 1#4 -- 8; 5#16 -- 18; 1 Pet 1#13 -- 16.
Lines 75 -- 76: Is 65#17; 66#22 -- 23; Mt 24#42 -- 44; 25#1 -- 13; Mk 13#32 -- 37; Lk 14#15 -- 24; 1 Cor 15#51 -- 58; 16#21 -- 24; 2 Pet 3; Rev 21#1 -- 22#5; 22#20.
Confessions: HC, qq 31, 32, 86 and all of Part III; SHC, XIV, XVI, XXIX; WCF, VII, 5, XIII -- XVI, XIX, XXI -- XXIV, XXXIV; WSC, qq 39 -- 82; WLC, qq 56, 175; BD, II, 2; C67, IB, IC1, IIA, III.

, Dòng 77 -- 80

77 -- 80
Kinh Thánh: Ps 27#1 -- 10; 91; 118#1 -- 6; 139#1 -- 18; Is 25#6 -- 9; Jn 3#16; Rom 8#31 -- 39; Eph 2#1 -- 10; 2 Tim 2#8 -- 13; Jas 1#12; 1 Pet 1#3 -- 9; 1 Jn 4#7 -- 21.
Confessions: NC, 3rd art.; AC, 3rd art.; SC, XVI, XVII; HC, qq 1, 50 -- 58; SHC, XXVI; WCF, XVII, XVIII; WLC, qq 67, 196; BD, II, 2; C67, IB, IC, IC1, III.